T□A □N NHÂN DÂN HUY□N B□ TH□□C **T□NH THANH H□A**	**C□NG H□A X□ H□I CH□ NGH□A VI□T NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 46/2019/QĐST-HNGĐ	*Bá Th- ớc, ngày 24 tháng 04 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 34/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị T, sinh năm: 1995

Quê quán: Bản H, xã P, huyện H, tỉnh H.

HKTT: Kẻo H, xã N, huyện Th, tỉnh H.

- Bị đơn: Anh Hà Văn C, sinh năm: 1993

Trú tại: Thôn H, xã N, huyện Th, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 04 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 04 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Vi Thị T và anh Hà Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về con chung:** Chị Vi Thị T và anh Hà Văn C 01 con chung là cháu Hà Trung T1, sinh ngày: 05/07/2013. Hai bên đương sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận khi ly hôn giao cháu Hà Trung T1 cho chị Vi Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Chị Vi Thị T không yêu cầu anh Hà Văn C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Hà Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

*** Về tài sản và công nợ:** Tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của vợ chồng, tài sản người ngoài nợ vợ chồng, vợ chồng nợ người ngoài hai bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về án phí:** Chị Vi Thị T và anh Hà Văn C tự nguyện thống nhất thỏa thuận chị Vi Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp. Trả lại cho chị Vi Thị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại biên lai thu số: AA/2017/0002844 ngày 27/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Th;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS huyện Th;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Vũ Đại Long